

LỰC LƯỢNG LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH Ở XIÊM (THÁI LAN) VÀ VIỆT NAM (NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

Phạm Thị Phương Linh
Đại học Cần Thơ

TÓM TẮT

Giai đoạn lịch sử nửa cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX, các quốc gia Đông Nam Á phải đối phó với áp lực xâm lược của thực dân phương Tây bằng nhiều cách và hình thức khác nhau. Ở Xiêm và Việt Nam giai đoạn này đều xuất hiện các lực lượng lãnh đạo cải cách đất nước theo hướng dân chủ tư sản để tự cường và bảo vệ độc lập dân tộc. Ở Xiêm, lực lượng cải cách là các vị vua triều đại Chakri, đặc biệt là vua Mongkut và vua Chulalongkorn. Ở Việt Nam, lực lượng khởi xướng trào lưu cải cách là các trí thức Nho học, tầng lớp sĩ phu yêu nước đã sớm tiếp xúc với văn minh phương Tây. Những điểm tương đồng và khác biệt của lực lượng lãnh đạo cải cách ở Xiêm và Việt Nam do những điều kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội, tư tưởng qui định và tác động đến sự thành bại của công cuộc duy tân đất nước ở hai quốc gia này.

Từ khóa: *Lịch sử; Đông Nam Á; lực lượng cải cách; Xiêm; Việt Nam*

Ngày nhận bài: 11/4/2019; Ngày hoàn thiện: 08/5/2019; Ngày duyệt đăng: 06/6/2019

THE LEADING FORCES IN REFORM MOVEMENTS IN SIAM (THAILAND) AND VIET NAM FROM THE SECOND HALF OF THE 19th CENTURY TO THE 20th CENTURY

Phạm Thị Phương Linh
Can Tho University

ABSTRACT

From the second half of the 19th century to the early 20th century, Southeast Asia nations had to deal with the aggressive pressure from the Western colonialism in many various ways. In Siam, the reform forces included the the Chakri monarchs, especially King Mongkut and King Chulalongkorn. In Vietnam, the reform forces were Confucian intellectuals, patriotic scholars who soon contacted with Western civilization. The similarities and differences of the reform forces in Siam and Vietnam due to the economic, cultural, social and ideological conditions influenced on success or failure of national reform movements.

Keywords: *History; Southeast Asia, reform forces; Siam; Vietnam*

Received: 11/4/2019; Revised: 08/5/2019; Approved: 06/4/2019

Email: ptplinh@ctu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Giai đoạn cuối thế kỉ XIX – đầu XX, trước những thách thức xâm lược của thực dân phương Tây các quốc gia châu Á đã có những phản ứng hết sức khác nhau để bảo vệ độc lập, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ và phát triển đất nước. Ở Xiêm xuất hiện công cuộc cải cách của các vị vua triều đại Chakri, ở Việt Nam xuất hiện tư tưởng canh tân của Nguyễn Trường Tộ đến tư tưởng duy tân của Phan Châu Trinh, phong trào Đông du của Phan Bội Châu, ... Các cuộc vận động cải cách thông thường diễn ra và thắng lợi theo con đường từ trên xuống trong khi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, diễn ra và thắng lợi theo con đường từ dưới lên. Vì thế yếu tố đảm bảo thắng lợi cho cuộc cải cách không phải là quần chúng nhân dân mà là tầng lớp bên trên hay là lực lượng lãnh đạo cải cách. Nghiên cứu những nhân tố tác động đến lực lượng lãnh đạo cải cách, những điểm tương đồng cũng như khác biệt về lực lượng cải cách ở Xiêm (Thái Lan) và Việt Nam sẽ giúp chúng ta có những nhận định chính xác hơn về sự thành bại của công cuộc duy tân ở hai quốc gia này.

2. Nội dung

2.1. Những nhân tố tác động sự hình thành đến lực lượng lãnh đạo cải cách ở Xiêm và Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)

2.1.1 Nhân tố khách quan

Đến giữa thế kỉ XIX, sau khi hoàn thành thôn tính Ấn Độ, một phần Miến Điện, Anh có điều kiện để gây sức ép với Xiêm. Năm 1855, phái đoàn Anh đến Bangkok đưa yêu sách. Cuộc đàm phán Anh-Xiêm diễn ra nhanh chóng. Do so sánh lực lượng không cho phép, nếu xảy ra xung đột quân sự thì sự thất bại của Xiêm là khó tránh khỏi. Vì thế, vua Xiêm là Mongkut đã phải ký với Anh hiệp ước không bình đẳng đầu tiên vào ngày 18/4/1855. Hiệp ước này đã đánh dấu sự kết thúc của những nỗ lực ngăn chặn sự can thiệp phương Tây vào thị trường Xiêm. Sau hiệp ước kí với Anh, Xiêm đã lần lượt kí các hiệp ước tương tự như thế với Mĩ và Pháp (1856), với Đan Mạch (1858), với Bồ Đào Nha

(1859), với Hà Lan (1860), với Phổ (1862), với Thụy Điển, Na Uy, Italia, Bỉ (trong năm 1868) và với Nga (1898). Tiếp đó năm 1867, Pháp đã ép Mongkut phải từ bỏ quyền lợi ở Campuchia, trừ các tỉnh phía Tây của nó. Năm 1893, 1902, 1904, Chulalongkorn phải chuyển nhượng chủ quyền cho Pháp lãnh thổ của Lào, rồi đến năm 1907 phải từ bỏ các tỉnh miền tây Campuchia. Năm 1909, Anh ép Xiêm phải trao quyền kiểm soát Hồi quốc ở Bắc Mã Lai mà trước đây dưới quyền kiểm soát của Xiêm. Đến đây nước Xiêm chỉ còn làm chủ trong lãnh thổ của mình.

Đối với Việt Nam, những năm đầu thế kỉ XIX, Mỹ rất quan tâm đến việc mở cửa xâm nhập thị trường Việt Nam nhưng nhà Nguyễn tỏ ra cương quyết cự tuyệt. Bên cạnh đó, Pháp cũng tìm mọi cách để để xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam. Vua Minh Mạng ban hành nhiều chính sách để hạn chế hoạt động của các giáo sĩ và hoạt động buôn bán của các tàu Pháp đến Việt Nam. Năm 1830, vua Minh Mạng ra lệnh đóng cửa tòa lãnh sự quán của Pháp tại Huế khiến mối quan hệ hai nước trở nên căng thẳng. Tiếp đến, năm 1833, 1836 và 1838 vua Minh Mạng ban hành các Dụ cấm đạo, giam cầm, giết hại các giáo sĩ phương Tây. Đến thời vua Tự Đức, các chính sách cấm đạo được tiến hành triệt để hơn. Thực dân Pháp phản ứng quyết liệt và phái các chiến hạm đến gây hấn ở vịnh Bắc Bộ. Sau khi cùng quân Anh đánh chiếm Quảng Châu và gây áp lực buộc Trung Quốc ký Hiệp ước Thiên Tân (27/6/1858), quân Pháp kết hợp quân Tây Ban Nha kéo xuống phía nam nổ súng tấn công vào cửa biển Đà Nẵng ngày 01/9/1858, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Đối với Xiêm, đến giữa thế kỉ XIX, vua Mongkut đã ký hàng loạt các hiệp ước bất bình đẳng giữa Xiêm với các cường quốc phương Tây. Nhà vua đã khôn khéo lợi dụng tranh chấp giữa Anh ở phía tây và Pháp ở phía đông để bảo vệ nền độc lập của mình. Đó là điều quan trọng nhất mà nhà lãnh đạo Xiêm đã làm trong thời gian trị vì để người kế vị là Chulalongkorn lên ngôi vua tiếp tục triển khai những chính sách mà vua Mongkut đã để lại và thực hiện canh tân đất nước. Ở Việt Nam, trước áp lực xâm lược

của thực dân phương Tây, vua Tự Đức đã thi hành chính sách “bế quan tỏa cảng”. Nếu so sánh thái độ của người đứng đầu đất nước thì các vị vua Xiêm thức thời và nhạy bén hơn. Trước áp lực xâm lược của thực dân phương Tây, trước nguy cơ mất độc lập dân tộc, những sự tiếp xúc với văn hóa, văn minh phương Tây, lực lượng lãnh đạo cải cách xuất hiện ở cả hai quốc gia Xiêm và Việt Nam. Nếu ở Xiêm là các vị vua triều đại Chakri, cụ thể là nhà vua Mongkut đến thời vua Chulalongkorn thì ở Việt Nam, đó là các sĩ phu yêu nước cấp tiến, có tinh thần canh tân, đổi mới để tự cường đất nước thoát khỏi họa vong quốc.

2.1.2 Nhân tố chủ quan

Về chính trị

Đối với Xiêm, năm 1782, Chakri lên ngôi vua lấy hiệu là Rama, tức là Rama I, chọn Bangkok làm thủ đô. Từ đây, thời đại trị vì của dòng họ Rama được bắt đầu. Xiêm thời kỳ này cũng xây dựng mô hình nhà nước phong kiến trung ương tập quyền, với sự quản lý của vua thông qua sáu bộ (Mahatthai, Kalahom, Phakhlan, Krom Muong, Krom Na và Krom Wang). Các mối quan hệ huyết thống cũng được củng cố tạo nên những nhóm gia đình hoàng tộc thu tóm mọi quyền hành trong nước. Ở trung ương, quyền lực đều nằm trong tay các hoàng tử và hoàng thân. Ở địa phương, chính quyền phong kiến tùy theo vị trí địa lý và tính chất phụ thuộc mà chia ra thành nội tỉnh và ngoại tỉnh. Với việc tổ chức bộ máy nhà nước trung ương tập quyền cao độ, trong đó quyền lực tập trung chủ yếu trong tay nhà vua và hoàng gia cùng với cân bằng thế lực giữa các gia đình quý tộc địa phương đã làm cho tình hình đất nước từ Rama I đến Rama V tương đối ổn định. Từ 1785 đến năm 1816 Xiêm có những cuộc chiến tranh với Miến Điện. Sau đó thỉnh thoảng Miến Điện có những cuộc quấy rối nhưng chiến thắng của Xiêm trước Miến Điện năm 1826 làm cho Xiêm yên tâm hơn về Miến Điện. Sau đó là những cuộc tranh chấp với nhà Nguyễn Việt Nam về vấn đề Campuchia. Năm 1812 do không địch lại với

nhà Nguyễn Việt Nam nên Xiêm mất ảnh hưởng ở Campuchia. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, tình hình chính trị ở Xiêm lúc bấy giờ tương đối ổn định hơn ở Việt Nam.

Đối với Việt Nam, khi Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế lập ra vương triều Nguyễn đã xây dựng một nhà nước thống nhất bao trùm toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Nhà Nguyễn đã xây dựng bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền, đứng đầu là vua, hệ thống quan lại được tuyển chọn thông qua các kỳ thi Nho giáo. Tiếp tục đường lối cai trị của Gia Long, khi lên ngôi, vua Minh Mạng đã xây dựng nên một thể chế chính trị phong kiến chuyên chế mạnh nhất ở Đông Nam Á. Tuy nhiên khác với các triều đại trước đó, nhà Nguyễn không có được tính chính thống cho quyền lực của mình trước nhân dân, vấp phải lòng trung thành của nhân dân miền Bắc đối với nhà Lê. Vì vậy, các vua đầu nhà Nguyễn luôn phải đối phó với mọi mưu đồ khôi phục nhà Lê. Chính sách hà khắc của nhà Nguyễn sẵn sàng đàn áp bất cứ sự chống đối nào đã dẫn đến sự bất ổn về chính trị của đất nước. Theo thống kê dưới thời nhà Nguyễn cai trị có tới hơn 200 cuộc khởi nghĩa và nổi dậy trong cả nước. Số lượng lớn các cuộc khởi nghĩa là một biểu hiện quan trọng cho khủng hoảng chính trị dưới các triều vua Nguyễn.

Nhân tố xã hội

Quan hệ xã hội phong kiến Xiêm có tính đẳng cấp khá phức tạp. Nhà vua đứng đầu đẳng cấp phong kiến và cũng là người chủ sở hữu đất đai tối cao trong nước. Dưới vua là các quan lại được chia thành 5 cấp bậc mang các danh hiệu khác nhau, “*Chaophraya, Phraya, Phra, Luang và Khun theo hai ngạch văn và võ*” [1; tr.40]. Họ được ban cấp một số ruộng đất nhưng không có quyền sở hữu, chức quan cao nhất được 1600 ha, nhưng quyền lợi đó cũng chỉ được hưởng trong đời mình, con cháu không được quyền thừa kế. Dưới cùng là những người dân, cũng được chia nhiều loại: dân tự do, dân bị tước quyền tự do và nô lệ. Chế độ nô lệ ở Xiêm không hà khắc như chế độ nô lệ ở Hy Lạp – La Mã cổ đại hay chế độ

nô lệ da đen ở châu Mỹ thời cận đại mà nô lệ ở Xiêm chủ yếu làm các công việc phục dịch cho chủ và thân phận của họ bị trói buộc vào chủ. Mỗi người dân bị cai quản bởi một “ông chủ” (quan chức nhà nước) mà không thông qua tập thể hay cộng đồng nào. Nghĩa vụ đi lính và nghĩa vụ phu dịch là bắt buộc đối với mọi người (trừ các sư). Ngoài hai nghĩa vụ này, người dân còn phải nộp thuế cho nhà nước. Nhà vua cai trị dân thông qua các quan lại quý tộc. Quan lại cai trị dân không theo đơn vị dân cư mà là theo từng gia đình độc lập tự cung tự cấp. Hình thức cai trị này không buộc chặt người dân vào một mảnh đất nhất định mà để cho người dân tự do khai khẩn thêm đất đai để tạo thành ruộng đất mới. Điều này có thể thấy xã hội Xiêm lúc bấy giờ mang tính mở hơn xã hội Việt Nam.

Gia Long sau khi lên ngôi năm 1802 quyết định lấy Nho giáo làm cơ sở tư tưởng cho một triều đại mới, lấy mô hình Trung Quốc làm khuôn mẫu. Nho giáo mà vua dùng là hệ tư tưởng đã được Chu Hy thời Tống đồng nhất vương quyền với thần quyền. Những quan niệm về thiên đạo, về mệnh trời đặc biệt được vua quan nhà Nguyễn đề cao để củng cố ngôi vua và biện minh tính chính thống cho triều đại. Xã hội Việt Nam theo Nho giáo cũng được hình thành theo thứ bậc là sĩ, nông, công, thương. Sĩ ở Việt Nam là tầng lớp sĩ phu và chỉ theo học Nho giáo. Họ bị ràng buộc bởi hệ tư tưởng Nho giáo và mối quan hệ vua tôi nên tuyệt đối trung thành với triều đình và rất bảo thủ. Nông dân Việt Nam chiếm đại đa số trong nhân dân. Họ vừa bị trói buộc bởi giáo lý Nho giáo hà khắc vừa bị kiểm soát bởi những qui định của các lệ làng, hương ước nơi họ cư trú. Do chính sách trọng nông ức thương nên tầng lớp thương nhân và thợ thủ công ở Việt Nam chiếm số lượng không đáng kể và không có vai trò quan trọng trong xã hội. Thương nhân Việt Nam bị triều đình cản trở phát triển, bị thương nhân Hoa kiều cạnh tranh. Do không có điều kiện nên tầng lớp công thương ở Việt Nam yếu ớt và không có một chút ảnh hưởng xã hội nào trong thời kỳ này.

Nhìn chung, các quan hệ trong xã hội Xiêm tương đối cởi mở hơn ở Việt Nam dù rằng

người dân vẫn chịu sự bóc lột bởi các hình thức lao dịch, nộp tô thuế nông nghiệp nhưng người nông dân không bị ràng buộc vào một mảnh đất cố định và không bị ràng buộc bởi quan hệ huyết thống, gia tộc. Các quan hệ Việt Nam dưới thời nhà Nguyễn thể hiện sự bảo thủ, và thụ động. Từ vua quan phong kiến thống trị đến tầng lớp bị trị bên dưới đều chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo lỗi thời và lạc hậu. Tầng lớp sĩ bị trói buộc và trung thành tuyệt đối với vua, nông dân bị trói buộc bởi hệ tư tưởng Nho giáo và các lệ làng, hương ước. Vì thế, xã hội Việt Nam lúc bấy giờ không đủ tạo ra một lực lượng xã hội mạnh mẽ để thay đổi vận mệnh của đất nước.

Cơ cấu kinh tế

Đến giữa thế kỉ XIX, Xiêm vẫn là một nước nông nghiệp nhưng khác với Việt Nam lúc bấy giờ là Xiêm có nền nội thương và ngoại thương có bước phát triển nhất định. Hệ thống chợ xuất hiện ở khắp mọi nơi, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa trong và ngoài nước. Các vị vua dòng họ Rama đã ban hành nhiều chính sách để phát triển kinh tế, đặc biệt đã tạo điều kiện ưu đãi cho các thương nhân người Hoa và tầng lớp này đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực thương nghiệp, làm động lực chuyển biến xã hội Xiêm lúc bấy giờ. Số lượng thương nhân người Hoa đến Xiêm mỗi năm một tăng, “có 7000 người đến vào năm 1820, tăng lên 14.000 người vào năm 1870” [2; tr.54] đã làm cho lao động tiền lương và dịch vụ buôn bán trở nên dễ dàng. Với việc mở cửa nền kinh tế vào năm 1855, thương mại, giao lưu quốc tế đã làm thay đổi đời sống kinh tế Bangkok rất nhanh chóng. Xuất khẩu nông sản trở thành động lực nền kinh tế trong nước. Trong việc buôn bán với nước ngoài thì Trung Quốc đóng vai trò quan trọng nhất.

Hoàn toàn ngược lại với sự phát triển của Xiêm, nhà Nguyễn từ khi lên cầm quyền ở Việt Nam đã thi hành triệt để chính sách “trọng nông, ức thương”. Về nội thương, triều đình xem gạo, muối là mặt hàng chiến lược do nhà nước kiểm soát nên cấm buôn bán từ vùng này sang vùng khác. Chính sách này gây ra sự ách tắc, ứ đọng hàng hóa, gây nên sự mất cân bằng giữa cung

và cầu ở các vùng. Về ngoại thương, triều đình thi hành chính sách độc quyền buôn bán với nước ngoài. Các tàu thuyền nước ngoài mang hàng hóa tới Việt Nam phải trải qua nhiều thủ tục khai báo, nhiều loại thuế và còn phải có lễ vật cho triều đình hoặc phải quỳ cáp cho các quan coi cảng. Những chính sách hạn chế thương mại đã hạn chế sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa. Các ngành thủ công nghiệp cũng không phát triển. Nhà Nguyễn nắm giữ những công xưởng lớn như đúc tiền, đúc súng và đóng tàu. Những thợ thủ công giỏi tập trung làm trong các công trường của nhà nước. Những chính sách này kìm hãm đáng kể sự phát triển của các ngành thủ công nghiệp. Về nông nghiệp, nhà Nguyễn một mặt cho phép ruộng tư phát triển nhưng vẫn duy trì ruộng công nên quá trình tư hữu hóa ruộng đất bị kìm hãm. Ngoài việc khuyến khích sức dân khai khẩn đất hoang, các vua Nguyễn đã không có được những biện pháp hữu hiệu nhằm cải tiến kỹ thuật canh tác đất nông nghiệp. Như vậy, đến trước khi thực dân Pháp xâm lược, kinh tế Việt Nam vẫn nằm trong tình trạng vô cùng lạc hậu, kém phát triển.

Tuy Xiêm vẫn là nước nông nghiệp nhưng sự khác biệt của nền kinh tế Xiêm với Việt Nam là họ có yếu tố kinh tế hàng hóa phát triển mạnh. Xuất khẩu nông sản của Xiêm đóng vai trò quan trọng, mang lại nguồn tài chính lớn và đặc biệt có sự đóng góp rất lớn vai trò của thương nhân người Hoa ở Xiêm lúc này.

Yếu tố văn hóa - giáo dục

Ở Xiêm, trong giai đoạn trị vì của Rama I (1782-1809), Phật giáo tiểu thừa đóng vai trò thống trị trong đời sống tinh thần. Mỗi vị vua Thái khi lên trị vì đều tuyên thệ trước Hội đồng tuyển chọn quốc vương sẽ là người bảo trợ và phát triển Phật giáo. Trên cơ sở tư tưởng Phật giáo, Thái Lan đã xây dựng nên một xã hội tương đối ổn định, chuộng đạo đức, yêu hòa bình. Những đặc tính văn hóa – xã hội trên đã trở thành truyền thống của người Thái trong quá trình phát triển lịch sử. Ở Xiêm không có nền giáo dục khoa cử như ở Việt Nam, việc giáo dục dân chúng còn chưa hệ thống và hoàn toàn do giới tăng lữ Phật

giáo đảm nhận. Nhà chùa đồng thời là trung tâm học thuật, là trường học, trong đó dạy cả các tri thức Phật giáo và các tri thức khoa học. Tầng lớp tăng lữ có trách nhiệm bảo vệ trình độ học thuật tương đối cao trong xã hội và thực hiện công việc dạy học. Các nhà sư đồng thời là giáo viên rất được kính trọng trong xã hội. Nền giáo dục Thái dựa vào truyền thống Ấn Độ đã thay đổi cho phù hợp với văn hóa-xã hội Thái. Bởi thế, tất cả mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể tham gia hay rời bỏ hệ thống giáo dục này. Điểm đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục của xã hội Xiêm lúc bấy giờ là tính mở, không bị bó hẹp bởi các qui chế. Học sinh có thể học bất cứ độ tuổi nào và chương trình học cũng không cố định mà tùy theo sức học và thời gian của học sinh. Xiêm trong văn hóa truyền thống của mình dễ thích nghi và dễ tiếp thu với yếu tố văn hóa mới nên khi tiếp xúc với văn minh phương Tây, họ dễ dàng chấp nhận và học tập. Để tạo ra một lớp người cai trị mới, nhà vua ưu tiên và khuyến khích con em các quan chức cao cấp ra nước ngoài học tập để phục vụ công cuộc canh tân đất nước.

Khi Gia Long lên ngôi vua tiếp tục lấy Nho giáo làm cơ sở tư tưởng chủ đạo. Hệ thống giáo dục và thi cử dưới triều Nguyễn cũng được xây dựng với mục đích đào tạo đội ngũ quan lại phục vụ cho triều đình. Lối giáo dục khoa cử đã tạo ra một tầng lớp quan lại có năng lực, đạo đức phù hợp với yêu cầu trị nước theo quan điểm chính thống và trung thành tuyệt đối với vua. Trong hệ thống giáo dục và đào tạo Nho giáo, nghề chuyên môn không được khuyến khích đề cao mà nội dung giảng dạy chủ yếu là Tứ Thư và Ngũ Kinh, những tác phẩm kinh điển của Nho giáo Trung Quốc. Các kiến thức dạy và học vì thế thường mang tính phi thực tế, sáo mòn, rập khuôn. Có thể nhận thấy nền giáo dục Xiêm là nền giáo dục Phật giáo trên nền tảng văn hóa Ấn Độ giáo, có sự cởi mở và linh hoạt còn nền giáo dục Nho giáo khoa cử ở Việt Nam bảo thủ và khuôn mẫu.

Từ những sự khác nhau về chính trị, văn hóa tư tưởng, kinh tế và xã hội giữa Xiêm với

Việt Nam đã tác động rất lớn đến sự hình thành lực lượng cải cách ở hai quốc gia trong giai đoạn này.

2.2. Lực lượng lãnh đạo cải cách ở Xiêm và Việt Nam - Một vài nét đối sánh

Có thể nhận thấy điểm giống nhau giữa lực lượng lãnh đạo cải cách ở Xiêm và Việt Nam là xuất hiện trong điều kiện đất nước chịu áp lực xâm lược của thực dân phương Tây, trước nguy cơ mất độc lập dân tộc. Cả Xiêm và Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX đều phải chịu ký kết các hiệp ước bất bình đẳng trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản đang thắng thế ở châu Âu. Lực lượng lãnh đạo cải cách ở Xiêm nổi lên vai trò của hai nhà vua Mongkut và Chulalongkorn cùng với các cộng sự trong bộ máy lãnh đạo tối cao của đất nước. Năm 1851, vua Nanglao qua đời, hoàng tử Mongkut lên kế vị và lấy hiệu là Rama IV (1851-1868). Ông sớm mở rộng phạm vi học tập của mình, học tiếng Latinh, chiêm tinh học cùng với giám mục Pallegoix, một nhà truyền giáo người Pháp, học tiếng Anh với Caswell, Bredley và House, những nhà truyền giáo người Mỹ. Đặc biệt, ông dần tiếp cận và hiểu được sức mạnh khổng lồ của phương Tây từ các kỹ thuật tiên tiến. Những ý tưởng cải cách dần hình thành trong đầu nhà sư hoàng gia này. Dù sống cuộc đời của tu sĩ Phật giáo nhưng ông vẫn được giới quý tộc đặt niềm tin và lựa chọn. Đồng thời ông cũng tìm cách liên minh với giới quý tộc để hình thành nhóm chính trị nhằm tìm cách thu tóm quyền lực. *“Cùng với Mongkut là các em của ông như Chuadamani, Wongsathirat, một số con em của các quý tộc đại thần đầu triều Thái khác như các con và cháu của Chaophraya Phrakhleng (Dit Bunnag)-đồng thời là người đứng đầu Kalahom- cũng rất say mê Tây học”* [3; tr.239]. Chuadamani là một chuyên gia về tiếng Anh và đã trang bị luyện tập quân đội Xiêm theo kiểu châu Âu. Wongsathirat là người phụ trách chữa bệnh cho hoàng gia, đã nghiên cứu y học phương Tây rất xuất sắc. Chính những người ưu tú trẻ tuổi này là những cộng sự trung thành tham gia cùng nhà vua vào quá trình cải cách đất nước.

Vua Mongkut chủ trương học tập khoa học kỹ thuật phương Tây để canh tân đất nước, bên cạnh đó ông cũng tìm mọi cách để duy trì được nền độc lập trước áp lực xâm lược của thực dân phương Tây. Vua Mongkut đã sử dụng lợi thế một nước nằm giữa sự tranh chấp của Anh và Pháp để cân bằng lực lượng các nước phương Tây trên lãnh thổ Xiêm. Ông đã rất thức thời khi nhận ra được sự thua kém về kinh tế và quân sự của Xiêm so với các nước phương Tây nên chấp nhận hi sinh một số quyền lợi của mình với các nước láng giềng để bảo toàn được chủ quyền dân tộc. *“Ông là người Xiêm duy nhất nhận thấy rõ rằng, nếu Trung Quốc đã thất bại trong chính sách đóng cửa của mình trước áp lực của châu Âu thì Xiêm phải thỏa hiệp với các lực lượng bên ngoài đang đe dọa mình và bắt đầu thích nghi với thế giới mới, trong đó chủ nghĩa truyền thống châu Á đã tỏ ra lỗi thời và không hiệu quả”* [4; tr.962].

Nhà vua Mongkut đã để lại những tư tưởng cải cách cho con trai là vua Chulalongkorn một sự nghiệp đã được khơi sẵn để tiếp tục phát triển, hoàn thiện. Hoàng tử Chulalongkorn tức Rama V lên kế nghiệp vua Mongkut từ năm 1868 đến năm 1910. Hai vị vua Mongkut và Chulalongkorn là linh hồn, là những người tổ chức, lãnh đạo công cuộc cải cách ở Xiêm trong điều kiện vô cùng khó khăn. Nếu như Mongkut là người tự đào tạo mình thành nhà cải cách tài ba thì Chulalongkorn là sản phẩm đào tạo nhân tài của vua Mongkut.

Nếu như việc đề xướng và thực hiện đường lối cải cách ở Xiêm có vai trò quyết định của vua Rama IV và vua Rama V thì ở Việt Nam, trước nguy cơ mất độc lập dân tộc, vua Tự Đức và các cựu thần cao cấp đã không thức thời thực hiện cải cách, canh tân đất nước mà khư khư bám giữ những giáo điều đã lỗi thời của Nho giáo. Với chủ trương đóng cửa tự thủ, vua Tự Đức ngày càng đi sâu vào con đường thất bại cầu hòa và bất lực trước nhiệm vụ lịch sử là bảo vệ độc lập dân tộc. Lực lượng lãnh đạo cải cách ở Việt Nam lúc bấy giờ không phải là người có quyền lực chính trị thật sự mà là các sĩ phu yêu nước, các trí

thức Nho học tiến bộ. Họ vốn là những người thuộc tầng lớp dưới, không có quyền lực về chính trị và kinh tế. Đây là đặc điểm rất quan trọng qui định tính chất và đặc điểm của công cuộc vận động cải cách ở Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng lâu dài và nặng nề bởi Nho giáo. Trong bối cảnh các quốc gia châu Á tiến hành canh tân đất nước theo hướng dân chủ tư sản để bảo vệ độc lập dân tộc thì các trí thức tiến bộ ở Việt Nam cũng đã nhanh chóng nắm bắt được xu thế này. “*Những đề nghị cải cách đầu tiên được Phạm Phú Thứ đệ trình lên nhà Nguyễn cuối năm 1859 cho tới các bản điều trần cuối cùng của Nguyễn Lộ Trạch vào khoảng năm 1884. Những đại biểu cho xu hướng cải cách trong thời gian này có thể kể Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Trần Đình Tú,..... Những nhà cải cách cuối thế kỉ XIX hầu như đã từng tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với nền văn minh phương Tây*” [5; tr.318]. Đến đầu thế kỉ XX, phong trào duy tân gắn với các trí thức Nho giáo cấp tiến như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can, Huỳnh Thúc Kháng,... Những nhà Nho yêu nước này đều chịu tác động của làn sóng Tân thư, Tân văn qua con đường giao lưu với Trung Quốc và sau những chiến thắng vang dội của Nhật Bản trong các cuộc chiến tranh Trung-Nhật (1898) và Nga – Nhật (1904-1905). Phong trào cải cách ở Việt Nam diễn ra đầu thế kỉ XX là sự tiếp tục của phong trào yêu nước chống Pháp trong hoàn cảnh đất nước đã mất độc lập dân tộc. Tuy nhiên, trước những bản điều trần, những tư tưởng canh tân này, vua Tự Đức đã không thức thời chấp nhận nên các chương trình cải cách đã không được hiện thực hóa.

Có thể nhận thấy sự sáng suốt, tài tình của vua Chulalongkorn khi vừa lên ngôi, đối phó với phe bảo thủ trong triều mà cụ thể là Suriyawong. Trong năm năm đầu ở ngôi vua, Chulalongkorn hầu như không thể hiện được gì mà mọi quyền hành đều thuộc về tay nhiếp chính vương Suriyawong. Chính thế lực bảo thủ trong triều còn quá lớn nên khi Chulalongkorn nắm mọi quyền hành trong tay

và tiến hành cải cách từ từ, không vội vã để tránh đụng chạm đến lợi ích của các quý tộc, hoàng thân. Dần dần, giới quý tộc Xiêm đã không còn ngăn cản như trước. Sự sáng suốt của các vị vua triều đại Chakri mà cụ thể là hai nhà vua Mongkut và Chulalongkorn còn thể hiện trong việc mời các chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và làm việc ở Xiêm. Họ là các giáo sĩ phương Tây như giám mục người Pháp Jean-Baptiste Pallegoix, các nhà truyền giáo người Mỹ như Jesse Caswell, Bradley và House. Các giáo sĩ này đã đào tạo trực tiếp vua Mongkut các môn như tiếng Latinh, toán học và chiêm tinh học. Các giáo sư phương Tây cũng được mời về giảng dạy cho con em hoàng tộc trong đó có Chulalongkorn, điển hình như Anna Leonowens là một nữ gia sư người Anh. Các chuyên gia về kỹ thuật và các nhà ngoại giao được triều đình Xiêm thuê làm việc trong các công xưởng và các cơ quan đại diện ở nước ngoài. Cụ thể, “*triều đình Thái Lan lúc bấy giờ đã thuê chuyên gia người Bỉ là Rolin - Jacquemyns là người am hiểu những kiến thức đặc biệt về luật học, hay hai chuyên gia về tài chính người Anh là H.Rivett-Carnac và W.J.F Williamson*” [6; tr.25]. Bên cạnh đó, để xây dựng lực lượng phục vụ cho công cuộc cải cách ở Xiêm, hai vị vua này là những người có công rất lớn trong việc đào tạo các thế hệ nhân tài. Đa số họ đều xuất thân từ các gia đình quý tộc hoặc con em trong hoàng tộc. Chính vị thế xã hội là một thuận lợi rất lớn của nhóm các nhà cải cách ở Xiêm. Điều này tránh được tình trạng phân chia quyền lực, xâu xé lẫn nhau vì các nhà cải cách đều đã có quyền lực một cách tự nhiên. Mongkut và Chulalongkorn là đỉnh cao, là sự kết tinh của hai nền giáo dục phương Tây và truyền thống phương Đông. Nếu như vua Mongkut là người tự đào tạo mình trở thành nhà cải cách thì tới thế hệ vua Chulalongkorn, việc đào tạo đã được tổ chức bài bản hơn, có các chuyên gia nước ngoài tham gia vào quá trình đào tạo.

Nếu như ở Xiêm, lực lượng lãnh đạo cải cách là một liên minh hùng hậu với linh hồn là

những vị vua đứng đầu đất nước với sự giúp sức của con em hoàng thân quý tộc trong triều đình thì ở Việt Nam, lực lượng lãnh đạo khá đơn độc. Ở Việt Nam, tầng lớp sĩ phu yêu nước, trí thức Nho học tiến bộ khởi xướng cải cách gồm những người từng tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với văn minh phương Tây nên chiếm số lượng nhỏ trong xã hội và không đủ sức lan rộng ảnh hưởng trong phạm vi cả nước. Ngược lại những nhà Nho thủ cựu, bài ngoại, phản đối cải cách chiếm ưu thế và góp phần hạn chế các tư tưởng canh tân này. Vì vậy, lực lượng khởi xướng ở Việt Nam đơn độc và quan trọng nhất họ là những người không có quyền lực chính trị thật sự. Vì thế sức ảnh hưởng của cuộc vận động cải cách ở Việt Nam không mang tính sâu rộng như ở Xiêm. Ở Xiêm, lực lượng lãnh đạo cải cách là những người lãnh đạo tối cao của đất nước. Trong giới lãnh đạo cải cách có sự hiện diện vị lãnh đạo cao nhất của đất nước là vua Mongkut và vua Chulalongkorn. Có được người lãnh đạo đất nước sáng suốt, nhạy cảm với thời cuộc là yếu tố vô cùng quan trọng để Xiêm tiến hành canh tân đất nước và đi đến thành công.

Trong công cuộc cải cách, vai trò và vị thế của người lãnh đạo cải cách rất quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của chương trình cải cách đó. Trong giới lãnh đạo cải cách ở Xiêm và Việt Nam cũng có sự khác biệt rất lớn và điều này tác động đến sự thành bại của công cuộc cải cách ở hai đất nước.

3. Kết luận

Cuộc vận động cải cách ở Xiêm và Việt Nam xuất hiện trong sự tác động của những nhân tố chủ quan và khách quan. Có thể thấy chất xúc tác mạnh mẽ cho sự ra đời các cuộc cải cách ở hai quốc gia này là nguy cơ xâm lược và nô dịch của thực dân phương Tây. Trước sự thất bại hàng loạt của các phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân các quốc gia châu Á thì cải cách được xem là con đường hiện đại hóa đất nước và ứng phó hữu hiệu nhất đối với làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây trong giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX. Ở Xiêm, Mongkut và Chulalongkorn

đều là những vị vua thức thời, đã đứng ra đảm đương công cuộc cải cách với mục đích là để duy trì và bảo đảm địa vị thống trị của giai cấp phong kiến. Đồng thời thông qua đó để tạo ra nội lực phát triển đất nước và bảo toàn chủ quyền dân tộc. Dù mức độ thành công của công cuộc cải cách ở Xiêm không rực rỡ bằng Minh Trị duy tân ở Nhật Bản nhưng cũng đã giúp Xiêm thoát khỏi ách thống trị của thực dân phương Tây và tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Điều đó có ý nghĩa rất lớn đến sự phát triển của đất nước Xiêm sau này. Trong bối cảnh Đông Nam Á giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX-đầu XX thì Xiêm là đất nước duy nhất thành công trong công cuộc cải cách của mình. Ở Việt Nam các trào lưu cải cách xuất hiện và diễn ra rầm rộ nhưng nhìn chung đều không được hiện thực hóa vì người đứng đầu đất nước là vua Tự Đức không chấp nhận và thực hiện canh tân đất nước. Những điểm tương đồng và khác biệt của lực lượng lãnh đạo cải cách ở Xiêm và Việt Nam đã minh chứng rằng trong cải cách vai trò và vị thế của người lãnh đạo cải cách rất quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của chương trình cải cách đó. Trong công cuộc cải cách, vai trò của lực lượng lãnh đạo cải cách vô cùng quan trọng và vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn đối với sự nghiệp đổi mới của nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Khắc Viện, *Thái Lan một số nét về chính trị, kinh tế-xã hội, văn hóa và lịch sử*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1987
- [2]. Chris Baker, Pasuk Phongbaichit, *A history of Thailand* (third edition), Cambridge University Press, 2014.
- [3]. Lê Thị Lan, *Tư tưởng cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
- [4]. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
- [5]. Vũ Dương Ninh, *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016.
- [6]. *Thailand in the 90s*, National Identity Office of the Prime Minister, Thailand, 1991.